

## CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ĐIỀU CHỈNH THƯƠNG MẠI SỐ QUỐC TẾ VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TRẦN QUỐC TRUNG<sup>(\*)</sup>

Ngày nhận bài: 01/5/2024

Ngày thẩm định: 08/5/2024

Ngày duyệt đăng: 20/5/2024

**Tóm tắt:** Thương mại số quốc tế đang phát triển mạnh mẽ và đóng vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế. Tuy nhiên, các khuôn khổ pháp lý điều chỉnh thương mại truyền thống đã dần không còn phù hợp khi áp dụng đối với thương mại số quốc tế. Bài viết giới thiệu những nội dung chính yếu về thương mại số quốc tế, phân tích khả năng áp dụng của các hiệp định thương mại tự do hiện có để điều chỉnh thương mại số; từ đó, rút ra các hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** thương mại số quốc tế; hàm ý chính sách; Việt Nam

**1** Giới thiệu về thương mại số quốc tế  
Sự phát triển mạnh mẽ của internet và công nghệ số trong hai thập kỷ gần đây đã dẫn đến những thay đổi lớn trong thương mại toàn cầu. Đối với một số hàng hóa, việc mua, bán xuyên biên giới dưới hình thái vật lý đã giảm đáng kể, thay vào đó là hình thái số, như sách, phim ảnh, trò chơi điện tử. Một số dịch vụ cung cấp xuyên biên giới ở hình thức di chuyển thể nhân cũng được thay thế dần bởi dịch vụ trực tuyến, như giáo dục, tư vấn, mạng xã hội, giải trí trực tuyến. Đại dịch COVID-19 cũng góp phần làm thay đổi hành vi của người tiêu dùng theo hướng ưa chuộng mua sắm trực tuyến hơn phương thức mua sắm truyền thống. Vì vậy, khái niệm thương mại số (digital trade) bắt đầu được đề cập phổ biến hơn.

Theo Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ (The United States International Trade Commission - USITC), thương mại số là việc giao nhận hàng hóa và dịch vụ qua mạng kỹ thuật số cố định hoặc không dây ở phạm vi trong nước và quốc tế. Đây là định nghĩa khá hẹp về thương mại số vì nó không bao gồm thương mại hàng hóa vật chất (hàng hóa vật chất không thể giao nhận bằng kỹ thuật số). Cục Phân tích kinh tế Hoa Kỳ (The United States Bureau of Economic Analysis) đã đưa ra khái niệm rộng hơn: Thương mại số là tất cả các giao dịch của các ngành được hỗ trợ bởi kỹ thuật số (digitally enabled). Tuy nhiên, nội hàm khái niệm này khá rộng nên việc nghiên cứu, thống kê sẽ gặp khó khăn.

Mặc dù, việc định nghĩa và đo lường thương mại số là vấn đề còn nhiều tranh luận và có nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng để thuận tiện cho nhu cầu thống kê trong thương mại quốc tế, Tổ chức Tiền tệ quốc tế

<sup>(\*)</sup> PGS, TS, Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II, Thành phố Hồ Chí Minh

(IMF), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Hội nghị của Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) và Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã hợp tác ấn hành *Sổ tay về đo lường thương mại số* và đưa ra khái niệm “thương mại quốc tế có đặt hàng bằng kỹ thuật số (digitally ordered) và/hoặc được thực hiện bằng kỹ thuật số (digitally delivered)”. Cách tiếp cận này dựa trên cách thức thực hiện giao dịch, không dựa trên đặc điểm của hàng hóa, dịch vụ được giao dịch hoặc đặc điểm của bên giao dịch. Mặc dù cách tiếp cận này không diễn tả đầy đủ bản chất của thương mại số quốc tế nhưng là một khái niệm tường minh, giúp đo lường khối lượng và kim ngạch giao dịch thuận tiện phục vụ mục đích thống kê và nghiên cứu.

Những năm gần đây, kim ngạch thương mại số quốc tế phát triển rất nhanh chóng. Năm 2020 - 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ có đặt hàng bằng kỹ thuật số tăng gần 200 tỷ USD, từ 1.325 tỷ USD lên 1.513 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ được thực hiện bằng kỹ thuật số tăng gần

650 tỷ USD, từ 3.295 tỷ USD (năm 2020) lên 3.942 tỷ USD (năm 2022). Tính riêng năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu của thương mại số quốc tế đã đạt 5.455 tỷ USD, chiếm khoảng 15% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn cầu (khoảng 32.000 tỷ USD) (xem Biểu đồ).

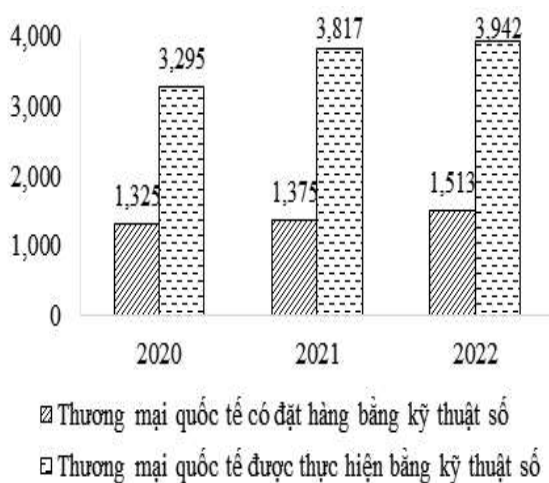
## 2. Khả năng điều chỉnh của các hiệp định thương mại tự do đối với thương mại số quốc tế

### - Các hiệp định của tổ chức thương mại thế giới

Phần lớn các hiệp định của WTO đều hình thành trước năm 2000 - thời kỳ internet và công nghệ số chưa phổ biến - nên các quốc gia và vùng lãnh thổ chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của thương mại số đối với thương mại quốc tế. Vì vậy, các hiệp định này của WTO không đề cập cụ thể đến thương mại số quốc tế. Tuy nhiên, với kỹ thuật lập pháp ở trình độ cao, WTO đã tạo ra một phạm vi điều chỉnh khá rộng lớn cho các hiệp định. Các hiệp định ban đầu khi thành lập WTO cùng với một số hiệp định được ký kết bổ sung một số thỏa thuận mới trong khuôn khổ WTO có thể được áp dụng để điều chỉnh nhiều nội dung của thương mại số. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) và các hiệp định đa phương cụ thể hóa các điều khoản của GATT (kiểm tra trước khi giao hàng, rào cản kỹ thuật đối với thương mại, thủ tục cấp phép nhập khẩu, xác định trị giá hải quan, các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch, các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại, quy tắc xuất xứ, nông nghiệp, chống bán phá giá, trợ cấp và các biện pháp đối kháng và tự vệ) đều không phân biệt hàng hóa dựa trên phương thức giao dịch. Tức là nếu hàng hóa được đặt hàng bằng kỹ thuật số hay không bằng kỹ thuật số đều thuộc phạm vi điều chỉnh của các hiệp định này. Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS) cũng không phân biệt dịch vụ được đặt hàng hay thực hiện cung cấp bằng

**Biểu đồ: Kim ngạch xuất khẩu thương mại số quốc tế giai đoạn 2020 - 2022**

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu của Hội nghị của Liên hợp quốc về thương mại và phát triển và WTO

phương tiện kỹ thuật số hay không. Tài liệu số S/L/74 - Báo cáo tiến độ cho Đại hội đồng được Hội đồng Thương mại dịch vụ thông qua ngày 19/7/1999 trong khuôn khổ Chương trình làm việc về thương mại điện tử của WTO đã thể hiện quan điểm trung lập của Hiệp định chung về thương mại dịch vụ về công nghệ: “Quan điểm chung cho rằng việc cung cấp dịch vụ bằng phương tiện điện tử nằm trong phạm vi của GATS vì Hiệp định áp dụng cho tất cả các dịch vụ bất kể chúng được cung cấp bằng phương tiện nào và việc cung cấp dịch vụ bằng phương tiện điện tử có thể diễn ra theo bất kỳ phương thức nào trong bốn phương thức cung cấp theo quy định của GATS. Các biện pháp làm ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ điện tử là các biện pháp làm ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ theo nghĩa Điều I của GATS và do đó được điều chỉnh bởi các nghĩa vụ của GATS. Quan điểm chung cũng cho rằng GATS trung lập về mặt công nghệ theo nghĩa là nó không có bất kỳ điều khoản nào phân biệt giữa các phương tiện công nghệ khác nhau mà thông qua đó một dịch vụ có thể được cung cấp”<sup>(1)</sup>.

Không chỉ trung lập đối với công nghệ ở các hiệp định chủ yếu điều chỉnh về thương mại quốc tế đối với hàng hóa và dịch vụ, WTO còn thể hiện sự ủng hộ thương mại tự do đối với hình thức sơ khai của thương mại số quốc tế là giao dịch điện tử. Hội nghị Bộ trưởng Thương mại của các thành viên WTO năm 1998 đã khẳng định vai trò của thương mại điện tử đối với thương mại tự do toàn cầu và thể hiện ý chí không áp thuế quan đối với hoạt động “truyền dẫn điện tử” (electronic transmission). Các quốc gia và vùng lãnh thổ thành viên WTO đã đạt được thỏa thuận ban hành Lệnh hoãn áp thuế quan đối với hoạt động truyền dẫn điện tử tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy thương mại điện tử phát triển giữa các thành viên WTO. Từ đó đến nay, Hội nghị Bộ trưởng

Thương mại của các thành viên WTO hai năm một lần liên tục đạt được thỏa thuận gia hạn Lệnh hoãn này và lần gần nhất đạt được thỏa thuận là vào tháng 3/2024. Tức là mọi sự thay đổi về quan điểm không áp dụng thuế quan đối với hoạt động truyền dẫn điện tử (nếu có) sẽ xảy ra ở Hội nghị Bộ trưởng tiếp theo hoặc ngày 31/3/2026, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bên cạnh đó, Hiệp định Công nghệ thông tin (ITA) có hiệu lực vào ngày 13/3/1997 và Hiệp định Thuận lợi hóa thương mại (TFA) bắt đầu có hiệu lực ngày 22/2/2017 đã góp phần thúc đẩy thương mại số phát triển. Hiệp định Công nghệ thông tin là một hiệp định nhiều bên, không có giá trị ràng buộc đối với tất cả các thành viên WTO, mà các thành viên được quyền lựa chọn tham gia (được hưởng đầy đủ quyền lợi và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo nội dung của Hiệp định) hoặc không tham gia Hiệp định (không được hưởng quyền lợi và không phải thực hiện nghĩa vụ theo nội dung của Hiệp định). Mặc dù vậy, nhiều thành viên WTO đã nhận thức được vai trò của Hiệp định Công nghệ thông tin và số lượng thành viên WTO không ngừng tăng lên, đến cuối năm 2023, số lượng thành viên tham gia WTO đã tăng 82 thành viên, trong đó có nhiều thành viên chiếm tỷ trọng hàng đầu trong thương mại quốc tế về các sản phẩm công nghệ thông tin. Hiệp định Công nghệ thông tin được thành lập với mục tiêu cắt giảm thuế quan đối với các sản phẩm công nghệ thông tin, chủ yếu là các sản phẩm công nghệ cao, như máy tính, thiết bị viễn thông, chất bán dẫn, thiết bị thử nghiệm và sản xuất chất bán dẫn, phần mềm và dụng cụ khoa học cũng như hầu hết các bộ phận và phụ kiện của các sản phẩm này. Năm 2015, danh mục sản phẩm theo Hiệp định Công nghệ thông tin đã mở rộng, các sản phẩm được bổ sung vào phạm vi của Hiệp định bao gồm: chất bán dẫn thế hệ mới, thiết bị sản xuất chất bán dẫn, thấu kính quang học, thiết bị định vị toàn cầu và

nhiều loại thiết bị y tế (máy quét, máy chụp cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp, máy phục vụ nha khoa và nhãn khoa,...). Đối với Hiệp định Thuận lợi hóa thương mại, nội dung của Hiệp định không chỉ thúc đẩy đơn giản hóa, hiện đại hóa và hài hòa hóa quá trình xuất, nhập khẩu để giảm thời gian và chi phí vận chuyển, xếp dỡ và thông quan đối với hàng hóa truyền thống, mà còn thuận lợi hóa đối với các hàng hóa được đặt hàng bằng kỹ thuật số. Theo đánh giá của IMF, OECD, Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới và WTO tại Báo cáo Thương mại số vì phát triển bền vững năm 2023, Hiệp định Thuận lợi hóa thương mại có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thương mại số quốc tế, đặc biệt là thương mại hàng hóa được đặt hàng bằng kỹ thuật số<sup>(2)</sup>.

Các hiệp định WTO đã và sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong thương mại số quốc tế, tuy nhiên thực tế phát triển của thương mại số quốc tế và các vấn đề liên quan vẫn là thách thức đối với khuôn khổ pháp lý hiện tại của WTO. Nhiều vấn đề của thương mại số quốc tế chưa được phân định và giải quyết rõ ràng nên chỉ sử dụng các hiệp định hiện có.

*Thứ nhất*, khuôn khổ pháp lý của WTO thể hiện ý chí phân biệt rạch ròi giữa hàng hóa và dịch vụ khi áp dụng điều chỉnh thương mại số quốc tế. Hiệp định chung về thương mại dịch vụ chủ yếu điều chỉnh thương mại quốc tế về hàng hóa không dùng từ “hàng hóa” (goods) trong lời văn của Hiệp định mà thay vào đó là một thuật ngữ ngữ khác “sản phẩm” (product). Hiệp định chung về thương mại dịch vụ cũng không định nghĩa dịch vụ một cách chi tiết, mà chỉ đưa ra phạm vi dịch vụ được điều chỉnh. Trong đó, các sản phẩm số, như nhạc kỹ thuật số, phim kỹ thuật số và phần mềm rất khó phân định rõ ràng là hàng hóa hay dịch vụ để áp dụng hiệp định điều chỉnh phù hợp. Các sản phẩm này không có tính hữu hình như hàng hóa thông thường nhưng cũng không hẳn là dịch vụ.

*Thứ hai*, việc phân loại dịch vụ của Hiệp định chung về thương mại dịch vụ không phù hợp với dịch vụ số. Hiệp định chung về thương mại dịch vụ phân loại thương mại dịch vụ quốc tế thông qua 04 phương thức: (1) Cung cấp qua biên giới; (2) Tiêu dùng ngoài lãnh thổ; (3) Hiện diện thương mại; (4) Hiện diện thể nhân để từ đó xác định mức độ điều chỉnh. Với cách tiếp cận này, một gia đình tại Việt Nam xem nội dung giải trí trên Youtube (dịch vụ của Google) có máy chủ đặt ở Hoa Kỳ thì việc cung cấp dịch vụ này có thể được xếp vào phương thức 1 (dịch vụ ở nước ngoài cung cấp xuyên biên giới) và cả phương thức 2 (di chuyển trên môi trường mạng đến nước ngoài để sử dụng dịch vụ). Mặt khác, hiện nay, các nền tảng mạng xã hội đã được tích hợp nhiều tính năng đa dạng, như gọi điện thoại, nhắn tin, mua sắm, trò chơi và thậm chí là tiền ảo thì việc phân loại dịch vụ lại càng gặp nhiều trở ngại.

*Thứ ba*, các hiệp định của WTO không quy định cụ thể về các rào cản phi thuế quan đối với thương mại số. Nguyên tắc hạn chế các rào cản phi thuế quan để thúc đẩy thương mại hàng hóa và dịch vụ truyền thống khó phát huy hiệu lực đối với các rào cản phi thuế quan áp dụng cho thương mại số. Trong thương mại số, rào cản phi thuế quan tập trung vào việc hạn chế đối với dữ liệu (thu thập, lưu trữ và di chuyển) trong khi đó các hiệp định áp dụng đối với thương mại quốc tế truyền thống tập trung chủ yếu vào dòng hàng hóa thực tế.

Dù có hạn chế trong việc điều chỉnh thương mại số quốc tế nhưng những thành quả đàm phán gần đây của các thành viên WTO vẫn chưa đạt được thành tựu đáng kể. Một mặt, do số lượng thành viên lớn và tồn tại nhiều mâu thuẫn về lợi ích, các nỗ lực của WTO thời gian qua tập trung chủ yếu vào vòng đàm phán Doha nhưng cũng không thu được kết quả như mong đợi. Mặt khác, các thành viên cũng không trông chờ vào các tiến

bộ của WTO mà tự họ chủ động đàm phán với các đối tác quan trọng về thương mại số để thiết lập các hiệp định phù hợp với nhu cầu phát triển.

**- Các hiệp định thương mại tự do mới**

Nhận thức được những hạn chế của WTO, các hiệp định thương mại tự do mới đã cập nhật các nội dung điều chỉnh về thương mại số hoặc chỉ tập trung điều chỉnh về thương mại số. Các hiệp định thương mại tự do mới điều chỉnh cụ thể về thương mại số tiêu biểu là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Hoa Kỳ - Mexico - Canada (USMCA), Hiệp định Thương mại số Hoa Kỳ - Nhật Bản (US-Japan Digital Trade Agreement), Hiệp định Đối tác kinh tế số Singapore - Chile - New Zealand và Hiệp định Kinh tế số Singapore - Australia (SADEA). Trong đó, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định Hoa Kỳ - Mexico - Canada ban đầu chưa có nội dung về thương mại số nhưng sau đó được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung nội dung về thương mại số, các hiệp định còn lại chỉ dành riêng cho thương mại số<sup>(3)</sup>.

Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đã bổ sung Chương 14 - Thương mại điện tử với định nghĩa khá rộng minh về sản phẩm số bao gồm: chương trình máy tính, văn bản, video, hình ảnh, bản ghi âm hoặc sản phẩm khác được mã hóa kỹ thuật số được sản xuất để bán hoặc phân phối thương mại và có thể được truyền tải điện tử. Hiệp định có những điều khoản quy định rõ về không phân biệt đối xử với các sản phẩm số, xác thực điện tử và chữ ký điện tử, bảo vệ người tiêu dùng trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân, nguyên tắc truy cập và sử dụng internet trong thương mại điện tử, chia sẻ phí kết nối internet, vị trí đặt các thiết bị điện toán, tin nhắn điện tử thương mại người nhận không mong muốn, hợp tác về các vấn đề an ninh mạng và giải quyết tranh chấp.

Hiệp định Hoa Kỳ - Mexico - Canada có một chương đề điều chỉnh về thương mại số là Chương 19 - Thương mại số. Ngoài các nội dung quy định tương tự như Chương 14 của Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Hoa Kỳ - Mexico - Canada có thêm các điều khoản thuận lợi hóa thương mại số, như hạn chế về yêu cầu chuyển giao hoặc truy cập vào mã nguồn của phần mềm, miễn trách đối với nhà cung cấp dịch vụ trung gian và người dùng đối với dịch vụ máy tính và dữ liệu chính phủ truy cập mở. Hiệp định Thương mại số Hoa Kỳ - Nhật Bản gần tương tự về nội dung với Hiệp định Hoa Kỳ - Mexico - Canada nhưng thể hiện rõ phạm vi điều chỉnh về dịch vụ tài chính và hàng hóa công nghệ thông tin sử dụng công nghệ mã hóa.

Hiệp định Đối tác kinh tế số Singapore - Chile - New Zealand cũng đã tiếp thu một số điều khoản của Hiệp định Hoa Kỳ - Mexico - Canada (dữ liệu mở của chính phủ) và Hiệp định Thương mại số Hoa Kỳ - Nhật Bản (hàng hóa công nghệ thông tin sử dụng công nghệ mã hóa) và các nội dung điều chỉnh phù hợp với thực tiễn. Ngoài ra, Hiệp định Đối tác kinh tế số Singapore - Chile - New Zealand đã bổ sung nội dung điều chỉnh về công nghệ tài chính (Fintech) và trí tuệ nhân tạo (AI) - những nội dung mới, đặc thù của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Module 8. Hiệp định Kinh tế số Singapore - Australia có nội dung tương tự như Hiệp định Đối tác kinh tế số Singapore - Chile - New Zealand nhưng có cách tiếp cận linh hoạt hơn là hai bên ký kết 08 bản ghi nhớ (Memorandum of Understandings - MOU) để thực thi các cam kết trong Hiệp định.

**3. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam**

Các phân tích về quá trình phát triển của thương mại số quốc tế và khả năng điều chỉnh của các hiệp định thương mại tự do mang đến các hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

Một là, Chính phủ cần tổ chức nghiên cứu các hiệp định thương mại tự do mới có

nội dung điều chỉnh về thương mại số và các hiệp định riêng về thương mại số, kinh tế số để xây dựng, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành phù hợp với thông lệ quốc tế. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp tương đối với các thông lệ quốc tế là điều kiện thuận lợi để Việt Nam hội nhập vào thương mại số quốc tế và nền kinh tế số trên phạm vi toàn cầu. Ngoài ra, các doanh nghiệp có thể nâng cao năng lực cạnh tranh, dễ dàng mở rộng thị trường xuất khẩu khi thích nghi tốt với các thông lệ quốc tế.

*Hai là*, Chính phủ cần chủ động kết nối, trao đổi với các đối tác có nhiều tiềm năng về thương mại số để cập nhật nội dung điều chỉnh về thương mại số hoặc đàm phán, ký kết các hiệp định riêng để điều chỉnh thương mại số, kinh tế số. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sản phẩm số và thị trường trong nước tiếp cận tốt hơn với các sản phẩm số trong khuôn khổ pháp lý rõ ràng, chặt chẽ. Các đối tác tiềm năng có thể tiếp cận là những thị trường xuất khẩu lớn, như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Australia (trừ các nước thuộc Liên minh châu Âu đã có nội dung thỏa thuận điều chỉnh cơ bản về thương mại số trong Hiệp định mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu). Trước hết, cần tích cực thúc đẩy ký kết Hiệp định khung ASEAN về kinh tế số.

*Ba là*, các doanh nghiệp Việt Nam cần tận dụng nội dung điều chỉnh về thương mại số quốc tế tại Chương 8 của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) để xuất khẩu sản phẩm số. Chương 8 của Hiệp định đã quy định về dịch vụ máy tính, dịch vụ và mạng viễn thông, kết nối và bảo mật thông tin,... Đây là những nội dung thuận lợi hóa thương mại số quốc tế. Bên cạnh đó, Việt Nam và Liên minh châu Âu cũng cam kết sẽ tiếp tục duy trì đối thoại, đàm phán về trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trung gian đối với việc truyền tải hoặc lưu trữ thông tin; xử lý các

thông tin liên lạc thương mại điện tử không được yêu cầu; bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực thương mại điện tử và các vấn đề khác liên quan đến sự phát triển của thương mại điện tử<sup>(4)</sup>.

Với sự chủ động của Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thay đổi, thích nghi với sự phát triển của thương mại số quốc tế, Việt Nam có thể hội nhập tốt và nắm bắt các cơ hội do quá trình chuyển đổi số mang lại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong nền kinh tế số toàn cầu □

---

(1) WTO. (1999). *Document symbol S/L/74*

(2) IMF, OECD, UNCTAD, & WTO. (2023a). *Digital Trade for Development*. Retrieved from [https://www.wto.org/english/res\\_e/booksp\\_e/dtd2023\\_e.pdf](https://www.wto.org/english/res_e/booksp_e/dtd2023_e.pdf)

(3) Lovelock, P. (2020). Chapter 2: *The New Generation of 'Digital' Trade Agreements: Fit for Purpose?* In *State of the Region Report 2020*

(4) Phuong, T. T. (2020). *Digital Economy and Digital Transformation in Vietnam*